F

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1018 /QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 4 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-TM-ĐT ngày 16/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/4/2017, Quyết định số 598/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 12/9/2017 và Quyết định số 432/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 09/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 961/QĐ-ĐHTM ngày 06/6/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành theo Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp sinh viên chính quy họp ngày 28/5/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp trình độ đại học cho **2953** sinh viên chính quy, gồm các ngành/chuyên ngành (Có danh sách kèm theo).

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
I	**Chương trình đào tạo chuẩn**	
1	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh	266
2	Quản trị kinh doanh/Tiếng Pháp thương mại	40
3	Quản trị kinh doanh/Tiếng Trung thương mại	80
4	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	123
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	93
6	Marketing/Marketing thương mại	163
7	Marketing/Quản trị thương hiệu	121

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
8	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	137
9	Kế toán/Kế toán công	65
10	Kiểm toán/Kiểm toán	48
11	Kinh doanh quốc tế/Thương mại quốc tế	110
12	Kinh tế quốc tế/Kinh tế quốc tế	74
13	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	74
14	Kinh tế/Quản lý kinh tế	148
15	Luật kinh tế/Luật kinh tế	84
16	Thương mại điện tử/Quản trị Thương mại điện tử	171
17	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị Hệ thống thông tin	126
18	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính - Ngân hàng thương mại	142
19	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính công	94
20	Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh thương mại	204
21	Quản trị nhân lực/Quản trị nhân lực doanh nghiệp	144
II	**Chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù**	
1	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	129
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	107
3	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị Hệ thống thông tin	97
III	**Chương trình đào tạo chất lượng cao**	
1	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	65
2	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính - Ngân hàng thương mại	48

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Kế hoạch Tài chính, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Trưởng các Khoa/Viện quản lý chuyên ngành đào tạo; các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng (*để b/c*);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

GS,TS Nguyễn Hoàng Việt

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
NGÀNH KINH TẾ/CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1018 /QĐ-ĐHTM ngày 4 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	17D160103	Đinh Ngọc	Chất	Nam	19/09/1999	K53F2	2,93	123	x	x	x	NA	NA	Khá	
2	17D160193	Phạm Thị	Hằng	Nữ	02/12/1999	K53F4	2,40	120	x	x	x	NA	NA	Trung bình	
3	18D160074	Trần Thị Mai	Anh	Nữ	25/09/2000	K54F2	3,30	120	x	x	x	x	NA	Giỏi	
4	18D160078	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	12/12/2000	K54F2	3,34	120	x	x	x	x	NA	Giỏi	
5	18D160143	Sái Phương	Anh	Nữ	02/10/2000	K54F3	3,06	120	x	x	x	x	NA	Khá	
6	18D160152	Đặng Duy	Đạt	Nam	24/04/2000	K54F3	2,89	120	x	x	x	x	NA	Khá	
7	18D160158	Lê Thị Thảo	Hiên	Nữ	20/06/2000	K54F3	2,82	120	x	x	x	x	NA	Khá	
8	18D160185	Lê Thị	Phượng	Nữ	22/02/2000	K54F3	3,39	120	x	x	x	x	NA	Giỏi	
9	18D160187	Trần Nam	Sơn	Nam	07/10/2000	K54F3	2,88	120	x	x	x	x	NA	Khá	
10	18D160193	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	30/12/2000	K54F3	2,98	120	x	x	x	x	NA	Khá	
11	19D160010	Nguyễn Hữu	Định	Nam	13/06/2000	K55F1	2,41	120	x	x	x	x	NA	Trung bình	
12	19D160051	Phạm Thị	Xinh	Nữ	25/12/2001	K55F1	3,31	120	x	x	x	x	NA	Giỏi	
13	19D160227	Đoàn Thị	Huyền	Nữ	07/12/2001	K55F4	3,18	120	x	x	x	x	NA	Khá	
14	19D160298	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	11/06/2001	K55F5	2,98	120	x	x	x	x	NA	Khá	
15	20D160025	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/09/2002	K56F1	3,28	120	x	x	x	x	NA	Giỏi	
16	20D160150	Phạm Huy	Dũng	Nam	30/07/2002	K56F3	3,19	120	x	x	x	x	NA	Khá	
17	20D160189	Ngô Thu	Thủy	Nữ	12/08/2002	K56F3	2,99	120	x	x	x	x	NA	Khá	
18	20D160194	Nguyễn Đức	Trọng	Nam	09/04/2002	K56F3	2,78	120	x	x	x	x	NA	Khá	
19	20D160223	Nguyễn Văn	Hà	Nam	20/10/2002	K56F4	2,97	120	x	x	x	x	NA	Khá	
20	20D160283	Trần Thị Quỳnh	Anh	Nữ	13/07/2002	K56F5	3,12	120	x	x	x	x	NA	Khá	
21	20D160310	Lê Thị	Mai	Nữ	13/01/2002	K56F5	2,88	120	x	x	x	x	NA	Khá	
22	21D160101	Trần Thị	An	Nữ	24/03/2003	K57F1	3,32	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
23	21D160103	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	01/08/2003	K57F1	3,21	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
24	21D160104	Phạm Hoài Trung	Anh	Nữ	17/11/2003	K57F1	2,85	120	x	x	x	x	x	Khá	
25	21D160105	Nguyễn Minh	Ánh	Nữ	10/10/2003	K57F1	3,39	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
26	21D160107	Bùi Thị Linh	Chi	Nữ	01/06/2003	K57F1	3,36	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
27	21D160112	Trần Mạnh	Đạt	Nam	04/09/2003	K57F1	2,77	123	x	x	x	x	x	Khá	
28	21D160113	Nguyễn Thiên	Đức	Nam	23/01/2003	K57F1	2,95	120	x	x	x	x	x	Khá	
29	21D160119	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	03/12/2003	K57F1	2,79	120	x	x	x	x	x	Khá	
30	21D160122	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	13/05/2003	K57F1	3,34	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
31	21D160124	Nguyễn Thị Hồng	Lê	Nữ	29/05/2003	K57F1	2,82	120	x	x	x	x	x	Khá	
32	21D160125	Nguyễn Huyền	Linh	Nữ	10/10/2003	K57F1	3,23	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
33	21D160126	Nguyễn Tô Khánh	Linh	Nữ	04/10/2003	K57F1	2,59	120	x	x	x	x	x	Khá	
34	21D160127	Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	11/04/2003	K57F1	3,36	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
35	21D160128	Phí Thị	Lữ	Nữ	18/02/2003	K57F1	2,94	120	x	x	x	x	x	Khá	
36	21D160131	Lê Công	Minh	Nam	16/09/2003	K57F1	3,03	120	x	x	x	x	x	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
37	21D160135	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	20/07/2003	K57F1	3,44	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
38	21D160136	Vũ Yến	Nhi	Nữ	05/03/2003	K57F1	2,88	120	x	x	x	x	x	Khá	
39	21D160137	Phan Hồng	Nhung	Nữ	27/11/2003	K57F1	3,24	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
40	21D160140	Lê Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	31/12/2003	K57F1	3,36	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
41	21D160141	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	13/03/2003	K57F1	2,78	120	x	x	x	x	x	Khá	
42	21D160143	Trịnh Thị Diệu	Thanh	Nữ	19/11/2003	K57F1	3,29	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
43	21D160144	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	19/08/2003	K57F1	3,01	120	x	x	x	x	x	Khá	
44	21D160150	Hoàng Ngọc	Trường	Nam	19/09/2003	K57F1	2,75	120	x	x	x	x	x	Khá	
45	21D160151	Lưu Thị Thúy	Vân	Nữ	01/11/2003	K57F1	3,34	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
46	21D160153	Đinh Thị Lan	Anh	Nữ	03/03/2003	K57F2	3,28	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
47	21D160155	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	04/10/2003	K57F2	3,41	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
48	21D160163	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	01/07/2003	K57F2	2,79	120	x	x	x	x	x	Khá	
49	21D160166	Trần Văn	Giang	Nam	16/04/2003	K57F2	2,89	120	x	x	x	x	x	Khá	
50	21D160167	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	04/01/2003	K57F2	3,17	121	x	x	x	x	x	Khá	
51	21D160172	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	31/07/2003	K57F2	3,45	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
52	21D160174	Nhâm Diệu	Hương	Nữ	17/06/2003	K57F2	3,12	120	x	x	x	x	x	Khá	
53	21D160175	Nguyễn Văn	Khánh	Nam	11/03/2003	K57F2	3,03	120	x	x	x	x	x	Khá	
54	21D160176	Nguyễn Phương	Liên	Nữ	29/09/2003	K57F2	2,98	120	x	x	x	x	x	Khá	
55	21D160179	Vũ Thùy	Linh	Nữ	13/10/2003	K57F2	3,38	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
56	21D160180	Lôi Thị	Lựu	Nữ	24/01/2003	K57F2	3,35	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
57	21D160181	Nguyễn Phương	Mai	Nữ	20/01/2003	K57F2	3,05	121	x	x	x	x	x	Khá	
58	21D160185	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	02/04/2003	K57F2	3,25	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
59	21D160186	Lý Thị	Ngọc	Nữ	26/10/2003	K57F2	2,98	120	x	x	x	x	x	Khá	
60	21D160187	Nguyễn Thị	Nhã	Nữ	28/07/2003	K57F2	3,47	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
61	21D160188	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	25/01/2003	K57F2	3,24	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
62	21D160192	Ngô Thị Hải	Quỳnh	Nữ	12/12/2003	K57F2	2,64	120	x	x	x	x	x	Khá	
63	21D160204	Hà Thị Hải	Yến	Nữ	04/03/2003	K57F2	3,59	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
64	21D160209	Nguyễn Thị Minh	Ánh	Nữ	23/10/2003	K57F3	3,45	122	x	x	x	x	x	Giỏi	
65	21D160210	Vũ Thị Linh	Chi	Nữ	05/09/2003	K57F3	3,40	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
66	21D160211	Nguyễn Huy	Công	Nam	13/05/2003	K57F3	2,84	120	x	x	x	x	x	Khá	
67	21D160212	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	22/12/2003	K57F3	3,44	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
68	21D160216	Cù Hương	Giang	Nữ	10/10/2003	K57F3	3,47	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
69	21D160217	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nữ	12/09/2003	K57F3	3,29	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
70	21D160004	Vũ Thị Thu	Giang	Nữ	15/09/2003	K57F3	3,35	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
71	21D160218	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	28/09/2003	K57F3	3,74	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
72	21D160219	Tạ Thị	Hà	Nữ	04/11/2002	K57F3	3,35	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
73	21D160221	Vi Thị	Hằng	Nữ	17/02/2003	K57F3	3,25	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
74	21D160222	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	14/04/2003	K57F3	3,32	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
75	21D160005	Phạm Văn Duy	Hoàng	Nam	13/12/2003	K57F3	3,37	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
76	21D160224	Lê Kiều	Hưng	Nam	06/02/2003	K57F3	3,52	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
77	21D160225	Đỗ Ngọc Mai	Hương	Nữ	24/10/2003	K57F3	3,00	120	x	x	x	x	x	Khá	
78	21D160226	Phạm Thị	Hương	Nữ	27/03/2002	K57F3	3,15	121	x	x	x	x	x	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
79	21D160232	Nguyễn Hương	Ly	Nữ	03/12/2003	K57F3	3,18	120	x	x	x	x	x	Khá	
80	21D160234	Đặng Hồng	Minh	Nữ	25/03/2003	K57F3	2,76	120	x	x	x	x	x	Khá	
81	21D160236	Phạm Tuyết	Ngân	Nữ	15/06/2003	K57F3	3,00	120	x	x	x	x	x	Khá	
82	21D160237	Trần Quang	Nghĩa	Nam	07/05/2003	K57F3	2,61	120	x	x	x	x	x	Khá	
83	21D160238	Mai Thị Bảo	Ngọc	Nữ	30/09/2003	K57F3	3,40	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
84	21D160241	Lê Thị	Phương	Nữ	12/03/2003	K57F3	3,24	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
85	21D160243	Trịnh Trọng	Quyền	Nam	25/10/2003	K57F3	3,78	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
86	21D160245	Vũ Ngọc	Tâm	Nữ	15/10/2003	K57F3	3,46	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
87	21D160247	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	11/10/2003	K57F3	3,25	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
88	21D160249	Bùi Thị	Thu	Nữ	03/11/2003	K57F3	3,37	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
89	21D160250	Vi Thị Hà	Thu	Nữ	13/09/2003	K57F3	3,59	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
90	21D160251	Phùng Thị Thanh	Thúy	Nữ	05/02/2003	K57F3	3,78	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
91	21D160252	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/02/2003	K57F3	3,54	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
92	21D160253	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	16/10/2003	K57F3	3,01	121	x	x	x	x	x	Khá	
93	21D160255	Lê Thảo	Vi	Nữ	03/11/2003	K57F3	3,23	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
94	21D160256	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/11/2003	K57F3	3,28	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
95	21D160257	Hoàng Tuyết	Anh	Nữ	21/06/2003	K57F4	3,11	121	x	x	x	x	x	Khá	
96	21D160258	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	02/12/2003	K57F4	3,23	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
97	21D160262	Nguyễn Thị	Chiên	Nữ	03/01/2003	K57F4	3,05	120	x	x	x	x	x	Khá	
98	21D160263	Nguyễn Văn	Cường	Nam	16/08/2003	K57F4	3,39	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
99	21D160264	Lê Thị	Dương	Nữ	04/10/2003	K57F4	3,29	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
100	21D160265	Cao Tiến	Đạt	Nam	28/10/2003	K57F4	2,79	121	x	x	x	x	x	Khá	
101	21D160266	Nguyễn Trọng	Đạt	Nam	03/03/2002	K57F4	3,14	121	x	x	x	x	x	Khá	
102	21D160267	Chu Tiến	Đức	Nam	18/06/2003	K57F4	2,97	120	x	x	x	x	x	Khá	
103	21D160269	Phạm Thị	Giang	Nữ	24/04/2003	K57F4	3,28	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
104	21D160270	Nguyễn Phương	Hà	Nữ	07/07/2003	K57F4	3,48	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
105	21D160272	Vũ Thị Thu	Hằng	Nữ	19/09/2002	K57F4	3,56	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
106	21D160274	Dương Ngọc	Hòa	Nữ	18/02/2003	K57F4	3,20	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
107	21D160275	Lê Quang	Huy	Nam	02/12/2003	K57F4	3,35	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
108	21D160276	Nguyễn Tuấn	Hưng	Nam	11/10/2003	K57F4	2,95	120	x	x	x	x	x	Khá	
109	21D160278	Phạm Thị Thúy	Kiều	Nữ	30/06/2003	K57F4	3,43	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
110	21D160279	Nguyễn Nhân	Lâm	Nam	07/08/2003	K57F4	2,79	120	x	x	x	x	x	Khá	
111	21D160280	Lê Phương	Linh	Nữ	04/10/2003	K57F4	3,12	120	x	x	x	x	x	Khá	
112	21D160281	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	17/09/2003	K57F4	3,35	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
113	21D160282	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	23/06/2003	K57F4	3,51	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
114	21D160283	Nguyễn Thị Phương	Loan	Nữ	13/11/2003	K57F4	3,09	120	x	x	x	x	x	Khá	
115	21D160284	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	07/11/2003	K57F4	3,24	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
116	21D160285	Thân Ngọc	Mai	Nữ	08/10/2003	K57F4	3,29	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
117	21D160286	Lưu Ngọc	Minh	Nữ	30/10/2003	K57F4	3,15	120	x	x	x	x	x	Khá	
118	21D160289	Nguyễn Phương	Ngọc	Nữ	08/11/2003	K57F4	3,27	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
119	21D160290	Trần Đức	Nguyên	Nam	12/12/2003	K57F4	2,76	120	x	x	x	x	x	Khá	
120	21D160291	Nguyễn Hà Hạnh	Nhi	Nữ	13/12/2003	K57F4	3,28	120	x	x	x	x	x	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
121	21D160292	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/10/2003	K57F4	3,36	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
122	21D160294	Đào Thị Hương	Quỳnh	Nữ	14/02/2003	K57F4	3,04	122	x	x	x	x	x	Khá	
123	21D160295	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	09/01/2002	K57F4	3,46	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
124	21D160012	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	19/09/2003	K57F4	3,03	120	x	x	x	x	x	Khá	
125	21D160300	Lê Thị	Thu	Nữ	05/11/2003	K57F4	3,50	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
126	21D160301	Đỗ Thị Minh	Thuận	Nữ	14/03/2003	K57F4	3,67	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
127	21D160303	Lê Minh	Tiến	Nam	16/10/2003	K57F4	2,99	121	x	x	x	x	x	Khá	
128	21D160304	Nguyễn Thị Vân	Trang	Nữ	30/08/2003	K57F4	3,38	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
129	21D160305	Lê Thị	Tuyết	Nữ	16/09/2003	K57F4	3,25	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
130	21D160306	Phạm Long	Vũ	Nam	29/09/2003	K57F4	2,96	120	x	x	x	x	x	Khá	
131	21D160315	Nguyễn Thị Thu	Cúc	Nữ	17/08/2003	K57F5	3,32	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
132	21D160317	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	24/12/2003	K57F5	3,26	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
133	21D160318	Đỗ Viết Hải	Đạt	Nam	26/03/2003	K57F5	3,00	120	x	x	x	x	x	Khá	
134	21D160319	Phạm Bá	Đạt	Nam	03/06/2003	K57F5	3,20	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
135	21D160501	Lâm Văn	Đông	Nam	03/01/2002	K57F5	2,79	120	x	x	x	x	x	Khá	
136	21D160322	Đặng Thị Thu	Hà	Nữ	11/03/2003	K57F5	3,50	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
137	21D160323	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	06/02/2003	K57F5	3,46	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
138	21D160324	Phạm Thị Thanh	Hải	Nữ	18/01/2003	K57F5	3,38	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
139	21D160325	Hoàng Thị	Hiên	Nữ	19/04/2003	K57F5	3,52	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
140	21D160328	Huỳnh Ngọc	Huyền	Nữ	21/09/2003	K57F5	3,24	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
141	21D160331	Dương Thị Kim	Lan	Nữ	10/07/2003	K57F5	3,12	120	x	x	x	x	x	Khá	
142	21D160334	Trần Hoàng Diệu	Linh	Nữ	06/08/2003	K57F5	3,16	120	x	x	x	x	x	Khá	
143	21D160014	Nguyễn Lê Ngọc	Mai	Nữ	02/09/2003	K57F5	3,27	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
144	21D160337	Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	19/01/2003	K57F5	2,91	120	x	x	x	x	x	Khá	
145	21D160338	Hoàng Công	Minh	Nam	19/08/2003	K57F5	3,24	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
146	21D160008	Nguyễn Quang	Minh	Nam	03/09/2003	K57F5	2,90	121	x	x	x	x	x	Khá	
147	21D160342	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	24/09/2003	K57F5	3,47	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
148	21D160357	Vũ Quỳnh	Trang	Nữ	08/11/2003	K57F5	3,56	120	x	x	x	x	x	Giỏi	

Ghi chú:

Điểm TBCTL: Điểm trung bình chung tích lũy
Tổng số TCTL: Tổng số tín chỉ tích lũy
GDQP: Giáo dục quốc phòng
GDTC: Giáo dục thể chất
CĐR ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ
Chuẩn KN SD CNTT: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
CĐR CTĐT: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
NA: Không áp dụng điều kiện
x: Đạt điều kiện

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS,TS Nguyễn Hoàng Việt